

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HC-ST
Ngày 02 - 11 - 2018
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Viết Khê;
Bà Trần Thị Dung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 29/2018/TLST-HC ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Hà Thị N; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông N1 - Luật sư, Công ty Luật TNHH N1; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông A - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền 24/8/2018); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông B – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị E; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
chị E: Bà Hà Thị N; cư trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2018); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Quyết định 6083) hộ gia đình bà Hà Thị N có một phần diện tích đất nằm trong diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn; không đồng ý với phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án theo Quyết định 6083, bà Hà Thị N đã làm đơn khiếu nại Quyết định 6083 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H nhưng quá thời hạn giải quyết mà bà N không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, nên bà Hà Thị N đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn yêu cầu hủy một phần Quyết định 6083 đối với phần liên quan đến hộ gia đình của bà.

Người khởi kiện bà Hà Thị N trình bày: Tại Quyết định 6083 gia đình bà bị thu hồi 1015.3m² tại thửa số 04 tờ trích đo TĐ-07. Theo bà Hà Thị N, diện tích đất này đã được bố mẹ bà N khai hoang để sản xuất đã hơn 40 năm và không có tranh chấp với ai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình sử dụng trước đây gia đình bà có trồng cây vải, những năm gần đây gia đình bà mới trồng cây bạch đàn. Do đó, bà cho rằng diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà là đất trồng cây lâu năm, tuy nhiên theo Quyết định 6083 xác định diện tích đất tại thửa số 04 tờ trích đo TĐ-07 là đất trồng rừng sản xuất và áp mức giá bồi thường 9000 đồng/m² là không đảm bảo quyền lợi của gia đình bà, hiện bà yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện H phải áp dụng mức giá bồi thường đối với đất trồng cây lâu năm là 47.000 đồng/m² đối với diện tích đất gia đình bà bị thu hồi tại thửa số 04 tờ trích đo TĐ-07.

Ngoài ra, bà Hà Thị N đề nghị xem xét lại mức hỗ trợ tạo việc làm theo mức giá bồi thường đối với đất trồng cây lâu năm.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định 6083 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành; việc lập hồ sơ, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng theo các quy định của pháp luật. Về xác định loại đất để tính mức bồi thường, hỗ trợ: Diện tích 1015.3m² bị thu hồi thuộc thửa đất số 04 tờ trích đo TĐ-07 tọa tại: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Ủy ban xác định thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình; tại biên bản kiểm kê đất đai, tài sản trên đất ngày 22/10/2017, hiện trạng khi thu hồi đất đang trồng 391 cây bạch đàn đường kính gốc từ 10 cm đến 30 cm, ngoài

ra không trồng cây gì khác. Do đó, việc áp dụng mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Hà Thị N đối với 1015.3m² bị thu hồi theo loại đất trồng rừng sản xuất là đúng quy định của pháp luật đất đai. Các yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N là không có cơ sở. Người bị kiện yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định 6083 của người khởi kiện.

Tại văn bản ghi ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí và có ý kiến như người khởi kiện.

Tại đơn đề nghị đề ngày 10/10/2018, người khởi kiện là bà Hà Thị N đề nghị hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại vào ngày 11/9/2018 và không tổ chức tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nữa; tại Công văn số 828/UBND-TTPTQĐ ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H đề nghị giải quyết vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Do vậy, không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại được.

Tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày và yêu cầu như sau: Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định 6083 cũng như việc kiểm đếm, đo đạc đất là đúng quy định; về áp giá bồi thường và mức hỗ trợ tạo việc làm theo mức giá bồi thường đối với đất trồng rừng sản xuất là không đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu hủy một phần Quyết định 6083. Gia đình tôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như các loại giấy tờ về đất; chưa đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, gia đình đã trồng cây bạch đàn từ năm 2009; chưa bao giờ làm nhà trên đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến:

Thửa số 1971 bao gồm hai thửa là thửa số 04 của bà N và thửa số 41 của bà K là mẹ chồng bà N nhưng lại xác định khác nhau về loại đất; công văn của UBND xã xác định chung chung; Công văn của UBND huyện và của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn là không có căn cứ không có giá trị chứng minh; cần đưa UBND xã vào tham gia tố tụng là người làm chứng để làm rõ quá trình sử dụng đất và xác định loại đất; tại bút lục số 123 mảnh trích đo đã thể hiện diện tích thửa 1971 là hơn 3000m² nhưng theo bản đồ đất lâm nghiệp thì diện tích là hơn 2000m² chênh lệch hơn 800m² điều đó thể hiện các cơ quan chuyên môn đo đạc không chính xác, không đáng tin cậy; đất liền kề với đất bị thu hồi lại xác định là đất trồng cây lâu năm nhưng đất bà N lại xác định là đất rừng trồng sản xuất là không đúng. Diện tích đất 1015.3m² bị thu hồi theo Quyết định 6083 đã được gia đình bà Hà Thị N khai hoang từ lâu, trước đây gia đình bà có trồng ngô, khoai, sắn; sau đó chuyển sang trồng cây ăn quả như vải...; gia đình mới trồng bạch đàn từ năm 2009 và thu hoạch được 01 lần. Như vậy, xác

định diện tích đất tại thửa số 04 tờ trích đo TĐ-07 là đất trồng rừng sản xuất và áp mức giá bồi thường 9.000đồng/m² là không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà Hà Thị N. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần Quyết định 6083 đối với phần liên quan đến gia đình bà Hà Thị N như đã nêu trên.

Người bị kiện không có mặt tại phiên tòa nhưng tại Công văn số 805/UBND-TTPTQĐ ngày 22/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định 6083 của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến: Thửa số 1971 bao gồm hai thửa là thửa số 04 của bà N và thửa số 41 của bà Loi là mẹ chồng bà N nhưng lại xác định khác nhau về loại đất là do thửa 1971 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất để xác định loại đất, cùng thửa 1971 nhưng mỗi nửa lại sử dụng khác nhau nên xác định loại đất khác nhau theo quy định; việc không cần đưa UBND xã vào tham gia tố tụng là người làm chứng vì UBND xã không có thẩm quyền xác định loại đất, UBND xã đã có công văn cung cấp cho Tòa án về thực trạng và quá trình sử dụng đất bị thu hồi; tại bút lục số 123 mảnh trích đo đã thể hiện diện tích thửa 1971 là hơn 3000m² nhưng theo bản đồ đất lâm nghiệp thì diện tích là hơn 2000m² chênh lệch hơn 800m² lý do có sự chênh lệch là vì Bản đồ đất Lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 và Mảnh trích đo tỷ lệ 1/500 hơn nữa mảnh trích đo được thực hiện trên cơ sở trực tiếp đo đạc thực tế khi thu hồi đất và do người dân tự chỉ mốc giới theo thực tế và việc này không có tranh chấp với các hộ liên kề, đây là số liệu thực tế, chính xác có lợi cho người dân, hộ bà N được tăng lên về diện tích có lợi cho bà N.

Diện tích 1015.3m² bị thu hồi thuộc thửa đất số 04 tờ trích đo TĐ-07, tọa tại: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, ban hành theo Quyết định 6083 là một phần thửa đất số 1971 bản đồ đất lâm nghiệp đo đạc năm 2011 diện tích 2649m² mang tên hộ bà Hà Thị N, loại đất trồng rừng sản xuất (ký hiệu loại đất là RTS); thửa đất này, bản đồ địa chính xã Cai Kinh đo năm 1996 không đo vẽ và không thể hiện trên bản đồ; thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình; tình trạng khi thu hồi đất đang trồng cây bạch đàn, đã được thu hoạch hoạch nhiều lần. Theo quy định của pháp luật thì phải xác định 1015.3m² bị thu hồi là đất trồng rừng sản xuất. Do đó, việc áp dụng mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Hà Thị N đối với 1015.3m² bị thu hồi theo loại đất trồng rừng sản xuất là đúng quy định của pháp luật đất đai. Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định 6083 là hoàn toàn đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành; việc lập hồ sơ, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng theo các quy định của pháp luật. Các yêu cầu khởi kiện

của bà Hà Thị N là không có cơ sở. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định 6083 của người khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án; các đương sự chấp hành đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về quyết định hành chính bị khiếu kiện: Diện tích 1015.3m² bị thu hồi thuộc thửa đất số 04 tờ trích đo TĐ-07, ban hành theo Quyết định 6083 là một phần thửa đất số 1971 loại đất trồng rừng sản xuất (ký hiệu loại đất là RTS) tại bản đồ địa chính đất lâm nghiệp đo đạc năm 2011 mang tên hộ bà Hà Thị N; thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình; tình trạng khi thu hồi đất đang trồng cây bạch đàn. Việc áp dụng mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Hà Thị N đối với 1015.3m² bị thu hồi theo loại đất trồng rừng sản xuất là đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N vì không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc đề nghị đưa Ủy ban nhân dân xã C huyện H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để xác định loại đất trong vụ án là không cần thiết, vì Tòa án đã có văn bản yêu cầu cung cấp thông tin và đã có văn bản trả lời của cơ quan chuyên môn, cơ quan có thẩm quyền, chính quyền địa phương về xác định loại đất, tình trạng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như quá trình sử dụng đất là: Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân huyện H; Ủy ban nhân dân xã C huyện H. Hơn nữa, Ủy ban nhân dân xã C huyện H là cơ quan thì không thể là người làm chứng được.

[3] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Quyết định số 6083/QĐ-UBND là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại

khoản 14 Điều 22 của Luật Đất đai 2013, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 6083/QĐ-UBND ban hành ngày 12/12/2017; bà Hà Thị N đã có các đơn khiếu nại đề ngày 04/02/2018, nhưng quá thời hạn giải quyết khiếu nại mà không được giải quyết. Do đó, bà Hà Thị N nộp đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2018 cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, việc khởi kiện của bà Hà Thị N là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[5] Về việc xét xử vắng mặt ông A: Ông A là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, vắng mặt tại phiên tòa và đã có công văn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 157 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

[6] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn hủy một phần Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H vì cho rằng Ủy ban nhân dân huyện H xác định không đúng mục đích sử dụng thửa đất số 04 tờ trích đo TĐ-07 dẫn đến việc xác định mức giá bồi thường về đất và tính khoản tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm không đúng quy định, xét thấy:

[7] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 6083/QĐ-UBND, thấy rằng: Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt; căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân và theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi thì có quyền quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6083/QĐ-UBND đối với hộ bà Hà Thị N là đúng thẩm quyền, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013

[8] Về hình thức của quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định số 6083/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H được ban hành đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành quyết định; có biểu tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và biểu tính bồi thường, hỗ trợ cụ thể kèm theo.

[9] Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 6083/QĐ-UBND: Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành thông báo thu hồi đất, thực hiện việc kiểm đếm; lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đồng thời niêm yết công khai theo quy định...Người khởi kiện cũng không có thắc mắc về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 6083/QĐ-UBND. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện H đã thực hiện đúng các quy định về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Bà Hà Thị N không có ý kiến thắc mắc.

[10] Về yêu cầu xác định lại giá đất bồi thường: Bà Hà Thị N cho rằng diện tích đất 1015.3m² bị thu hồi tại thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 phải được bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm, vì trước khi trồng bạch đàn gia đình đã trồng sắn, trồng vải; cùng là thửa đất số 1971 chia làm hai phần thì phần đứng tên bà Loi là mẹ chồng của bà được xác định là đất trồng cây hàng năm; xung quanh thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 đều được xác định là đất ruộng và đất trồng cây hàng năm. Thấy rằng, tại Công văn số 1205/STNMT-QLĐĐ ngày 02/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin rằng thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 là một phần thửa đất số 1971, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã C, huyện H; theo Dự án đo đạc thì thửa đất này không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, còn được khẳng định rõ là thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là đất lâm nghiệp tại các Công văn số 805/UBND-TTPTQĐ ngày 22/8/2018, Công văn số 928/UBND-TTPTQĐ ngày 24/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện H và Công văn số 53/CV-UBND ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện H. Tại biên bản về việc xác minh theo hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ngày 22/11/2017 thì hiện trạng sử dụng đất tại thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 là đất trồng bạch đàn trồng năm 2008, đang kinh doanh chu kỳ 2.

[11] Do thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, trong trường hợp không có các giấy tờ theo quy định thì việc xác định loại đất căn cứ theo hiện trạng sử dụng.

[12] Căn cứ tiêu mục V.1 Cây lấy gỗ, mục V. Cây lâm nghiệp, Điều 5 của Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cây bạch đàn thuộc nhóm cây lâm nghiệp lấy gỗ.

[13] Căn cứ tiêu mục 1.2 và tiêu mục 1.2.1 khoản I Phụ lục số 01 của Thông tư số: 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: *“Đất lâm nghiệp là đất đang có rừng (gồm rừng tự nhiên và rừng trồng) và đất mới được trồng rừng hoặc trồng kết hợp khoanh nuôi tự nhiên”*

“Đất rừng sản xuất là đất sử dụng vào mục đích sản xuất lâm nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. ”

[14] Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 quy định:” 3. *Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, lâm sản ngoài gỗ và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường, bao gồm: b) **Rừng sản xuất là rừng trồng**; “*

[15] Như vậy, việc xác định diện tích đất tại thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 là đất trồng rừng sản xuất của hộ bà Hà Thị N là có căn cứ.

[16] Căn cứ để xác định loại đất đối với đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng; cùng là thửa đất số 1971 chia làm hai phần thì phần đứng tên bà Loi là mẹ chồng của bà N được xác định là đất trồng cây hàng năm; xung quanh thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 đều được xác định là đất ruộng và đất trồng cây hàng năm vì đều phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất để xác định loại đất.

[17] Căn cứ Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 và Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn giá đất đối với loại đất rừng sản xuất tại xã Cai Kinh là 9.000 đồng/m². Do đó Quyết định 6083 có nội dung bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Hà Thị N đối với diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 diện tích 1015.3m² đơn giá 9.000 đồng/m² là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N yêu cầu hủy Quyết định 6083 để xác định lại đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[18] Đối với yêu cầu xác định lại mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo đơn giá đất trồng cây lâu năm, thấy rằng: Việc bà Hà Thị N cho rằng diện tích đất bị thu hồi tại thửa đất 04 tờ trích đo TĐ-07 là đất trồng cây lâu năm là không có cơ sở như đã trình bày ở trên. Do vậy yêu cầu xác định lại mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo đơn giá đất trồng cây lâu năm của bà là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[19] Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cần xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N vì không có căn cứ.

[20] Ý kiến của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện không có căn cứ và không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[21] Ý kiến của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[22] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[23] Về án phí: Bà Hà Thị N khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, nên phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 114 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính phủ; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 4 và tiểu mục 1.2 và tiểu mục 1.2.1 khoản I Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm b khoản 3 Điều 4 Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; khoản 7 Điều 2 Luật Lâm nghiệp 2017.

Căn cứ vào mục 1.2 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 267/QĐ-UBND ngày 18-02-2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; khoản 2 Điều 3 Quy định Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và Phụ lục tổng hợp tiêu thức phân vùng khu vực các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Quyết định số 29/2014/QĐ-UBND ngày 20-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; khoản 1 Điều 13 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, ban hành kèm theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 14-02-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Hà Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bà Hà Thị N đã nộp đủ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2015/0000538 ngày 26/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP; HCLĐ; KTNV và
THA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm